TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ XUÂN** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2025
"*V/v Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ XUÂN, THÀNH PHỐ HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly.
Các Hội thẩm Nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Đạm.
2. Ông Nguyễn Văn Đang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án Nhân dân quận Phú Xuân, thành phố Huế.

- ***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Phú Xuân, thành phố Huế tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Lê Diệu Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án Nhân dân quận Phú Xuân xét xử sơ thẩm công khai, trực tiếp vụ án thụ lý số: 998/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/11/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" (Vụ án chuyển thẩm quyền từ Toà án Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế sang Toà án Nhân dân quận Phú Xuân, thành phố Huế) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1963.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Tri M, sinh năm 1961.

Nơi thường trú: Số 06/35 đường Hoàng Diệu, phường Tây L, quận PX, thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: Số 06 đường Tú Xương, phường Tây L, quận PX, thành phố H. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Tri M sau thời gian quen biết, tìm hiểu được sự đồng ý của gia đình nên tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục địa phương. Sau đó tiến hành đăng ký kết hôn ngày 21/9/1984 tại Ủy ban Nhân dân phường Tây L, thành phố Huế, tỉnh Bình Trị Thiên (Hiện nay là Ủy ban Nhân dân phường Tây L, quận Phú Xuân, thành phố Huế). Sau khi kết hôn vợ sống hạnh phúc một thời gian dài và sinh được 02 người con chung. Thời gian đầu vợ chồng ai cũng có công việc ổn định; tuy cũng có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống như bao nhiêu gia đình khác và vợ chồng đều thông cảm bỏ qua cho nhau. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2000 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn nhiều hơn do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Mỗi lần vợ chồng có việc gì không thống nhất với nhau thì ông Nguyễn Tri M nói tiếng to, đập phá đồ vật sinh

hoạt trong gia đình, việc này diễn ra thường xuyên nhằm để đe doạ, khống chế bà Hồ Thị T; việc này ngày càng làm bà Hồ Thị T ám ảnh, lo lắng, bất an; ông Nguyễn Tri M là một người gia trưởng; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà Hồ Thị T. Vợ chồng mỗi người có công việc khác nhau, nhưng ông Nguyễn Tri M không thu xếp được thời gian để sinh hoạt chung cùng gia đình; không quan tâm đến cuộc sống của bà Hồ Thị T.

Theo thời gian cuộc sống vợ chồng không được cải thiện mà càng trầm trọng; đến năm 2010 thì vợ chồng sống chung trong gia đình nhưng không ăn chung, ngủ chung mà ông Nguyễn Tri M ra ngủ ở cầu thang nên bà Hồ Thị T xem như vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Mặc dù ở chung với nhau nhưng vợ chồng ít khi nói chuyện với nhau, mỗi lần nói chuyện là xảy ra cải nhau làm ảnh hưởng đến mọi người xung quanh; dẫn đến bà Hồ Thị T bị trầm cảm nặng; bà Hồ Thị T bị bệnh ung thư phải sống trong đau khổ, tủi nhục. Năm 2011 vợ chồng cùng thống nhất ly hôn, nhưng sau đó không ly hôn nữa; bà Hồ Thị T không bị bạo lực gia đình, nhưng bị tổn thất về tinh thần. Bà Hồ Thị T điều trị bệnh đến năm 2024 thì cảm thấy mình đã lo cho gia đình trọn vẹn nên làm đơn ly hôn và nhiều lần đề nghị ông Nguyễn Tri M ly hôn một cách có văn hoá, nhưng ông Nguyễn Tri M không đồng ý. Hiện nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ được nên bà Hồ Thị T đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về người con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Ph, sinh ngày 30/11/1985 và Nguyễn Tri Quốc Kh, sinh ngày 05/5/1992. Hiện nay 02 người con chung đã trưởng thành nên bà Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ tài sản chung: Bà Hồ Thị T xác nhận không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/11/2024, quá trình hoà giải và tại phiên toà ông Nguyễn Tri M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tìm hiểu cho đến khi kết hôn thì ông Nguyễn Tri M đồng ý như ý kiến trình bày của bà Hồ Thị T. Quá trình chung sống vợ chồng cùng lo làm ăn để xây dựng nhà cửa, nuôi con ăn học đến nơi đến chốn như hiện nay; trách nhiệm của vợ chồng đối với con cái; gia đình nội ngoại đều hoàn thành. Ông Nguyễn Tri M chưa bao giờ đánh đập bà Hồ Thị T, nhiều lắm thì chỉ xưng hô bà Hồ Thị T bằng Cô; nhưng thừa nhận có ném đồ vật trong nhà nhưng không quá 3 lần và đã sửa chữa sai lầm của mình. Vợ chồng vẫn chưa có tiếng nói chung; việc ông Nguyễn Tri M không ăn chung, ngủ chung như trình bày của bà Hồ Thị T là do hoàn cảnh cuộc sống, tính chất công việc phải thức dậy từ sáng sớm; làm nghề có nhiều dầu mỡ của máy móc sản xuất nước đá; còn công việc và thời gian sinh hoạt, ăn uống của bà Hồ Thị T trái ngược nhau nên không thể ăn cùng thời gian với nhau. Bản thân ông Nguyễn Tri M không ngủ máy điều hoà được; mỗi lần vào phòng ngủ thì bà Hồ Thị T nói hôi dầu mỡ; ông Nguyễn Tri M chăm chỉ công việc để làm cho kinh tế gia đình ngày càng vững mạnh mà không nghĩ đến suy nghĩ, cảm nhận của bà Hồ Thị T. Vợ chồng vẫn chưa có tiếng nói chung nên mong muốn và tìm biện pháp để bà Hồ Thị T suy nghĩ lại nhưng không

được; nhiều lần bà Hồ Thị T có đề nghị ông Nguyễn Tri M ly hôn một cách có văn hoá; còn nếu về già không có ai chăm sóc thì vào Viện dưỡng lão; nhưng theo ông Nguyễn Tri M thì đến nay vẫn chưa có lý do gì để từ bỏ cuộc hôn nhân giữa ông Nguyễn Tri M và bà Hồ Thị T.

- Về người con chung: Ông Nguyễn Tri M thống nhất với bà Hồ Thị T về 02 người con chung. Hiện nay 02 người con chung đã trưởng thành nên ông Nguyễn Tri M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Ông Nguyễn Tri M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân quận Phú Xuân, thành phố Huế phát biểu quan điểm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 19; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T; bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tri M.

- Về người con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hồ Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Thị T khởi kiện ông Nguyễn Tri M cư trú tại địa bàn phường Tây L, quận PX, thành phố H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân quận Phú Xuân, thành phố Huế.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Tri M kết hôn trên cở sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/9/1984 tại Ủy ban Nhân dân phường Tây L, thành phố Huế, tỉnh Bình Trị Thiên (Hiện nay là Ủy ban Nhân dân phường Tây L, quận PX, thành phố H) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng sinh sống hạnh phúc một thời gian và sinh được 02 người con chung. Sau một thời gian sinh sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không

hợp nhau nên thường xuyên cãi vã; ông Nguyễn Tri M nhiều lần đập phá các vật dụng sinh hoạt trong gia đình làm cho bà Hồ Thị T bị tổn thương về tinh thần; vợ chồng chung sống với nhau nhưng không quan tâm đến suy nghĩ, cảm nhận của vợ mình, chồng mình; khi xảy ra mâu thuẫn thì các bên không chủ động tìm biện pháp để hàn gắn; trái lại những yếu tố cấu thành cơ bản của hạnh phúc gia đình như ăn chung, sinh hoạt chung, chăm sóc, giúp đỡ nhau, quý trọng nhau thì vợ chồng không thực hiện được và kéo dài nhiều năm.

Quá trình giải quyết vụ án, theo đề nghị của ông Nguyễn Tri M nên Toà án nhiều lần tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng suy nghĩ lại, nhưng không có kết quả. Toà án kiên trì hoà giải để vợ chồng trở về đoàn tụ gia đình, nhưng bà Hồ Thị T vẫn kiên quyết ly hôn; còn ông Nguyễn Tri M thì không đồng ý.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận vợ chồng ông Nguyễn Tri M và bà Hồ Thị T không thể đoàn tụ được; mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của vợ chồng trong thời gian tìm hiểu và kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tri M theo quy định tại khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Các khoản 2, 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án Nhân dân tối cao.

[2.2] Về người con chung: Hiện nay 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Phước, sinh ngày 30/11/1985 và Nguyễn Tri Quốc Khánh, sinh ngày 05/5/1992 đã trưởng thành; không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung: Ông Nguyễn Tri M, bà Hồ Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị T là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí nên quá trình thụ lý hồ sơ vụ án bà Hồ Thị T đã được miễn nộp tiền tạm ứng án. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hồ Thị T.

[3] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Phú Xuân, đương sự phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 5 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Các khoản 2, 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án Nhân dân tối cao.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tri M.

2. Về người con chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo số: 214/TB-TA ngày 12/11/2014 của Toà án Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hồ Thị T.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Tri M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TANDTpHuế;
- VKSND quận Phú Xuân;
- Chi cục THADS quận Phú Xuân;
- UBND phường Tây L;
(Đăng ký kết hôn ngày 21/9/1984)
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Ly